

Phát triển mô hình cải thiện sinh kế bền vững cho Cộng đồng dựa trên tiềm năng tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số

Thực trạng và biện pháp được rút ra từ nghiên cứu trường hợp 4 dân tộc thiểu số Ê Đê, Gia Rai của Đắk Lắk và Mông, Dao của Lai Châu

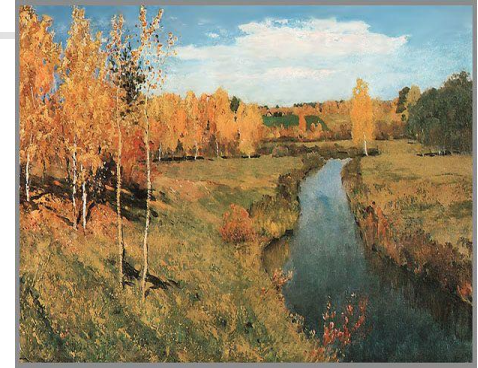


*PGS.TS. Ngô Quang Sơn
Viện trưởng Viện Dân tộc
Ủy ban Dân tộc*

I. Thực trạng sinh kế và những tác động của tri thức bản địa vào sự phát triển sinh kế

Lai Châu và Đắk Lắk là hai tỉnh miền núi vùng cao đặc thù nằm trong 2 khu vực đặc thù của Việt Nam.

Lai Châu thuộc Tây Bắc, có khoảng 20 dân tộc cùng sinh sống, người Thái chiếm trên 30%; Mông chiếm 30%; Dao khoảng 7%...Đắk Lắk nằm ở phía Tây Nam dãy Trường Sơn, có 41 dân tộc, trong các DTTS thì người Ê Đê chiếm 13,9%; Mông chiếm 10%; M'Nông chiếm 4,4%; Gia Rai chiếm 0,8%...



Qua nghiên cứu trường hợp **4 dân tộc thiểu số tại chỗ Ê Đê, Gia Rai của Đắk Lắk và Mông, Dao của Lai Châu từ năm 2010 – 2013**, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về về các loại vốn sinh kế và các hoạt động sinh kế như sau:

16 June

2014

Phát triển mô hình cải thiện sinh
kế bền vững cho Cộng đồng



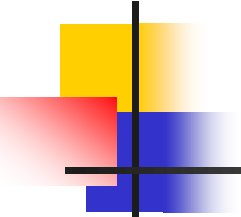
(1) Các loại vốn sinh kế

Nguồn vốn, nguồn lực tài sản cho sinh kế bền vững có 5 loại cơ bản (vật chất, tài chính, xã hội, con người và tự nhiên) đã và đang từng bước được cải thiện về chất lượng và số lượng trong đó đặc biệt vốn vật chất (hạ tầng cơ sở được đầu tư, nâng cấp...); vốn tài chính ngày càng mạnh hơn (thu nhập được tăng lên, hộ nghèo giảm đi, cơ hội nghề nghiệp nhiều hơn, khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi dễ dàng hơn...; vốn con người về thể lực, trí lực và cả tâm lực được cải thiện rõ rệt.



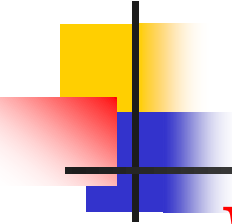
Tuy nhiên cũng còn những vấn đề đặt ra là:

- ***Vốn vật chất ở một số nơi không được đảm bảo.*** Kết cấu hạ tầng còn yếu kém nhất là giao thông liên xã, liên thôn, bản rất khó khăn, gần 30% xã không có đường đi được ô tô cả 4 mùa, 2% số thôn, bản không có đường đi xe máy, 30% các xã chưa có trạm y tế đạt chuẩn và trường học kiên cố...
- ***Vốn xã hội còn hạn chế:*** hợp tác trong sản xuất nhất là hợp tác với các dân tộc thiểu số khác sống trên cùng địa bàn còn yếu, còn tự ti, có lúc còn định kiến dân tộc, vai trò của các tổ chức truyền thống cũng như luật tục, quy định làng bản đang giảm sút...



- **Vốn tài chính yếu**: nguồn thu tài chính chủ yếu dựa vào các nguồn thu tiền mặt có được do tiết kiệm, đi làm thuê, bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủ công và khoản trợ cấp của nhà nước...

- **Vốn con người còn nhiều bất cập**: Thê lực yếu thể hiện các chỉ số về chiều cao, cân nặng cũng như tuổi thọ đều thấp hơn so với bình quân chung của cả nước, dân tộc. Tình trạng không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông còn cao

- 
- ***Vốn tự nhiên ngày càng khan hiếm:*** Đất sản xuất ngày càng ít, rừng bị khai thác kiệt quệ, tàn phá năng nề, suy thoái nghiêm trọng, quyền sử dụng, sở hữu rừng và đất rừng của đồng bào DTTS không còn nhiều, diện tích rừng nghèo kiệt nhiều, nguồn nước bị ô nhiễm do khai thác bừa bãi, không quản lý được các tài nguyên thiên nhiên...



(2) Về các hoạt động sinh kế

- Sản xuất nông nghiệp và khai thác nguồn lợi tự nhiên là 2 hoạt động sinh kế quan trọng nhất của đồng bào DTTS

- Vốn sinh kế hạn chế và thiếu bền vững đã tác động mạnh đến các hoạt động sinh kế như:

+ Sinh kế vẫn còn mang nặng tính sản xuất giản đơn, nông nghiệp truyền thống với kỹ thuật canh tác chủ yếu là dựa vào khai thác tự nhiên với kinh nghiệm là chủ yếu, chưa tiếp cận và sử dụng các tiến bộ KH-KT vào sản xuất.

+ Sinh kế nghề thủ công truyền thống không cao, chủ yếu để tiêu dùng tại chỗ, ít dùng để trao đổi, mua bán trên thị trường.

2. Tri thức bản địa của cộng đồng dân tộc thiểu số

Tri thức bản địa là tri thức mà người dân ở một cộng đồng đã tích lũy được. Tri thức bản địa là vốn tri thức được tích lũy trong quá trình hình thành và phát triển lâu đời của cộng đồng DTTS. Tri thức bản địa có các đặc điểm sau:

- Dựa trên kinh nghiệm được hình thành trong quá trình nghiệm sinh
- Thường xuyên được kiểm nghiệm
- Thích nghi với đặc điểm văn hóa và môi trường, phù hợp với môi trường tự nhiên và xã hội của các cộng đồng người.
- Năng động và luôn thay đổi.

3. Tri thức bản địa tác động tích cực đến phát triển sinh kế

Tri thức bản địa gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân tộc thiểu số và được trải nghiệm trong lịch sử nên phần lớn tri thức bản địa là những tri thức liên quan đến môi trường, cách thức sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt (làm nhà hướng Nam, dùng lá xoan khô đưa vào trong chậu vại cùng với đậu xanh, đậu đen, ngô để bảo quản; cách làm ruộng bậc thang; san đất hay xếp đá, dùng "cày" của người Mông rất phù hợp khi cày trên đất dốc...Tri thức bản địa được phản ánh đậm nét trong những bài dân ca, câu chuyện truyền miệng, truyền thuyết và những thực hành văn hoá của người DTTS. Có khi nó được bảo tồn dưới dạng trí nhớ, nghi thức, lễ thức hay điệu múa. Có khi nó lại được lưu giữ dưới dạng những vật dụng được lưu truyền từ đời cha sang đời con, hay từ mẹ cho con gái...

16 June
2014

Phát triển mô hình cải thiện sinh
kế bền vững cho Cộng đồng



Tri thức bản địa trong sử dụng, bảo vệ và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên

Chúng ta đã biết cuộc sống của đồng bào DTTS luôn gắn bó mật thiết với tự nhiên, đặc biệt là 3 nguồn tài nguyên: rừng, đất đai và nguồn nước. Vì thế, việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và quản lý các nguồn tài nguyên này (khai thác lâm thổ sản, bảo vệ rừng đầu nguồn; bảo vệ thú hoang; bảo vệ nguồn nước, đất đai...) luôn được coi trọng. Hệ tri thức đầu tiên được nhắc đến đó chính là các giá trị được quy định trong Luật tục và các quy ước cộng đồng của từng dân tộc. Đây là một sản phẩm chứa đựng những giá trị tri thức truyền thống quan trọng để quy định hành vi ứng xử của mọi thành viên trong cộng đồng khi sử dụng, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.



- Tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp

Đồng bào 4 DTTS sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, vì thế hệ thống tri thức truyền thống về lĩnh vực này khá đa dạng phong phú. Các kiến thức về đất canh tác (chọn và làm đất đặc thù): người Mông ở Lai Châu với vốn tri thức bản địa về quy trình khai khẩn ruộng bậc thang (chọn vùng đất có sườn núi, độ dốc dưới 40° , có nguồn nước tự nhiên hoặc nước mạch đùn tương đối bằng phẳng và có mùn dày); dân tộc Dao có kiến thức chọn đất làm nương ở rừng già, rừng nửa, những nơi nhiều mùn...; người Ê Đê và Gia Rai có các kỹ năng chọn đất để làm rẫy, gần bên nước và tránh được sự phá hoại của thú rừng; canh tác luân khoảnh khép kín...

Hệ tri thức về nông lịch cũng được coi là sản phẩm được hình thành trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp truyền thống. Cách tính nông lịch được dựa trên những hiểu biết về đặc điểm sinh trưởng, phát triển của từng loại cây trồng, vật nuôi, vào sự diễn biến của điều kiện tự nhiên, thời tiết khí hậu và đặc điểm canh tác đặc thù.



- Tri thức bản địa về các nghề thủ công truyền thống

Mỗi một dân tộc đều có những nghề thủ công truyền thống mang tính bản sắc rõ rệt của dân tộc mình, nó chứa đựng những giá trị tri thức đặc biệt, thể hiện trình độ và sức sáng tạo trong từng sản phẩm làm ra. 4 dân tộc đều có một số nghề thủ công giống nhau như dệt, đan lát, mộc...

Ngoài ra, mỗi dân tộc lại có những nghề truyền thống mang tính riêng có như: người Mông với nghề rèn đúc lưỡi cày rất khỏe, cắt được rễ cây, cỏ tranh, cày đất khô dốc vùng núi đá với độ sâu từ 10 đến 15 cm; rèn và khoan nòng súng bằng phương pháp khoan nước...; nghề thêu đặc sắc của người Dao với đường nét chỉ thêu và các hoa văn tinh tế trên vải hoặc quần áo; nghề săn bắt và thuần hóa voi rừng, nghề làm rượu cần nổi tiếng của dân tộc Ê Đê, Gia Rai đã và đang trở thành sản phẩm hàng hóa dịch vụ đem lại giá trị kinh tế cao...



Tri thức bản địa về y học dân gian và chăm sóc sức khỏe

Các dân tộc đều hình thành những tri thức về y học dân gian truyền thống và kiến thức chăm sóc sức khỏe. Chính những tri thức này đã giúp cho cộng đồng các dân tộc tự giải quyết được các mối đe dọa từ bệnh tật và bảo tồn nòi giống của họ. Kể cả trong bối cảnh những năm gần đây nhà nước đã quan tâm đầu tư và phát triển hệ thống y tế ngày càng hiện đại hơn cho vùng nhưng chưa thể đáp ứng hết nhu cầu của người dân. Bên cạnh đó, địa bàn của tỉnh nhiều khu vực bị chia cắt, hệ thống giao thông chưa đến nơi, hệ thống thông tin liên lạc còn nhiều hạn chế đã cản trở việc người dân tiếp cận đến các dịch vụ y tế. Lúc này tri thức bản địa về y học dân gian và chăm sóc sức khỏe cộng đồng đã và đang là cứu cánh cho việc chữa trị hầu hết các bệnh thường gặp ở các xã, huyện vùng cao, biên giới.



- Tri thức bản địa về điều hành và quản lý cộng đồng, xã hội

Cả 4 dân tộc thiểu số đều có những tri thức truyền thống về điều hành và quản lý cộng đồng xã hội mà tri thức giá trị nhất có ảnh hưởng đến sự tồn tại của từng dân tộc đó chính là thiết chế thôn, bản, buôn và các quy định chung về các mối quan hệ, điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng dưới dạng luật tục và các quy ước.

Về thiết chế thôn, bản (đối với đồng bào Mông, Dao) và buôn (đối với dân tộc Ê Đê và Gia Rai), đây là các đơn vị quần cư khá bền vững là nơi quần tụ của vài chục, có đến khi vài trăm nóc nhà (đối với buôn).

II. Các biện pháp cải thiện sinh kế dựa trên tiềm năng tri thức bản địa phong phú của 4 dân tộc thiểu số tại chỗ (Ê Đê, Gia Rai, Mông, Dao)

2.1. Biện pháp 1: Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức

Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhất để cải thiện và nâng cao chất lượng sinh kế của người dân phù hợp với văn hóa, tri thức bản địa. Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức không chỉ thực hiện với đối tượng là đồng bào 4 dân tộc thiểu số (Ê Đê, Gia Rai, Mông, Dao) mà còn áp dụng cả với nhóm đối tượng là đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị có liên quan nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở.

2.2. Biện pháp 2: Xây dựng chính sách cải thiện sinh kế phù hợp với văn hóa, tri thức bản địa

2.2.1 Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành có liên quan

- Chính sách liên quan đến tăng cường năng lực vốn vật chất và vốn tự nhiên
- Chính sách liên quan nâng cao năng lực vốn tài chính
- Chính sách đối với vốn con người và vốn xã hội



2.2.2. Nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số chính sách có liên quan

Cùng với tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách nêu trên, thực trạng vốn và hoạt động sinh kế của 4 dân tộc đòi hỏi cần phải bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, trong đó chú ý xem xét ban hành, sửa đổi một số chính sách sau:

- *Chính sách về đầu tư kết cấu hạ tầng*: việc thực hiện các chính sách về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng như hiện nay vẫn còn mang tính dàn trải, bình quân, mặc dù đều có khó khăn nhưng việc mở rộng quá lớn các đối tượng thụ hưởng trong điều kiện nguồn lực tài chính nhà nước có hạn là nguyên nhân chính dẫn đến nhiều xã, thôn, bản không thể giải quyết dứt điểm về nội dung này.
- *Chính sách về nguồn lực tự nhiên*
- *Chính phủ cần nghiên cứu, ban hành một số chính sách mới để nâng cao vốn con người và xã hội cho các DTTS nói chung và 4 dân tộc nói riêng*



2.2.3 *Đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chính sách dân tộc*

Để cải thiện sinh kế phù hợp với giá trị văn hóa thì việc hỗ trợ của nhà nước là rất quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng vốn sinh kế và hoạt động sinh kế của đồng bào các dân tộc nói chung và 4 dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Mông, Dao nói riêng còn thiếu hiệu quả, không bền vững. Hệ thống chính sách còn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất cả về cơ chế quản lý và thực hiện, tính công bằng giữa các dân tộc, các vùng miền chưa được đảm bảo. Cần phải thực hiện đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chính sách, mà việc làm đầu tiên đó là cần phải nhanh chóng thể chế hóa quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách.

2.3. Biện pháp 3: Chuyển giao tiến bộ khoa học- kỹ thuật phù hợp với văn hóa, tri thức bản địa

Để cải thiện sinh kế cho đồng bào 4 dân tộc thiểu số tại chỗ thì không thể chỉ dựa vào những kinh nghiệm tri thức bản địa sẵn có của người dân và cộng đồng. Điều tất yếu phải làm đó là chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trong đời sống và sản xuất trên cơ sở phù hợp với giá trị văn hóa, tri thức bản địa của từng dân tộc .

Lồng ghép kiến thức khoa học – kỹ thuật hiện đại vào tri thức bản địa của từng dân tộc: cần có sự nghiên cứu sâu, đánh giá đúng những giá trị khoa học và phát hiện các khía cạnh, những điểm khiếm khuyết, hạn chế, hoặc không còn phù hợp trên cơ sở đó đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại vào thay thế để bảo tồn và phát huy cao nhất tri thức bản địa của người dân và cộng đồng, nhất là các tri thức kỹ thuật.

2.4. Biện pháp 4: Xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín của 4 dân tộc thiểu số

Xuất phát từ quan điểm để giải quyết các vấn đề liên quan đến sinh kế, văn hóa của đồng bào 4 dân tộc, không ai khác phải do chính các dân tộc này tự quyết định và thực hiện với sự trợ giúp đặc lực và có hiệu quả của bên ngoài (nhà nước và các thành phần khác). Tuy nhiên với trình độ phát triển như hiện nay, việc để đồng bào tự nhận thức và quyết định cải thiện sinh kế trên cơ sở phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp, loại bỏ các yếu tố văn hóa lạc hậu là vấn đề hết sức nan giải nếu không có ai trong số họ nhận thức, hiểu biết về những vấn đề này để vận động, dẫn dắt tổ chức cho người dân, cộng đồng làm theo.



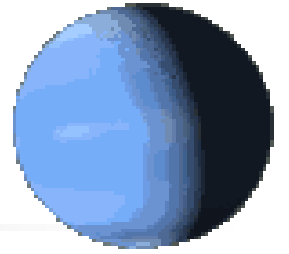


2.5. Biện pháp 5: Xây dựng mô hình phát triển sinh kế bền vững dựa trên tiềm năng các tri thức bản địa

- Xây dựng mô hình trọn gói*
- Xây dựng mô hình lễ hội truyền thống và các giá trị tín ngưỡng của từng dân tộc*
- Xây dựng mô hình tuyên truyền tại cơ sở cho 4 dân tộc thiểu số của 2 tỉnh*
- Xây dựng mô hình tích hợp giữa tri thức bản địa với tri thức khoa học - kỹ thuật hiện đại*
- Xây dựng mô hình thay đổi tập quán thói quen lạc hậu*



2.6. Biện pháp 6: Tăng cường nguồn lực tài chính



Đây là biện pháp mấu chốt và là điều kiện quyết định đến việc các biện pháp nêu trên có thể tổ chức thực hiện thành công được hay không. Từ biện pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, biện pháp về cơ chế chính sách, biện pháp chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến biện pháp về xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín và biện pháp xây dựng các mô hình đều đòi hỏi cần phải có nguồn kinh phí để triển khai thực hiện.

III. Xây dựng mô hình điểm trong thực tiễn

1. Thống nhất với xã và đồng bào DTTS về triển khai thực hiện mô hình
2. Hoàn thiện mô hình lý thuyết và xây dựng mô hình thực tế
3. Lựa chọn hộ gia đình và ký cam kết tham gia mô hình
4. Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình
5. Tập huấn các kiến thức về kỹ thuật và thị trường
6. Tham quan mô hình
7. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện xây dựng mô hình
8. Kết quả thực hiện mô hình

